ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 26 /KH-UBND	*Đak Đoa, ngày 22 tháng 02 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn huyện Đak Đoa giai đoạn 2021-2025

Giai đoạn 2021-2025 Ngành Y tế huyện Đak Đoa đặt ra mục tiêu giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, góp phần tăng tuổi thọ, bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khoẻ; nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh; củng cố hoạt động mạng lưới y tế cơ sở; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư, vắc xin, sinh phẩm y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh, phòng bệnh của Nhân dân... Trên cơ sở kế thừa, phát huy kết quả đạt được của giai đoạn 2016-2020 và thực hiện Kế hoạch số 2207/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025, UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn huyện Đak Đoa giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

Phần thứ I
Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016- 2020 (gọi tắt là QĐ 1125) và Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số đến năm 2020 của tỉnh Gia Lai, huyện Đak Đoa đã triển khai Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là CTMT YTDS) đạt nhiều kết quả khả quan, góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

1. Ưu điểm:

Việc triển khai CTMT YTDS thời gian qua cơ bản đạt được các yêu cầu của Sở Y tế và kế hoạch huyện giao. Các bệnh xã hội được phát hiện sớm, quản lý chặt chẽ, không có biến chứng xảy ra. Tình hình dịch bệnh trên địa bàn huyện nhiều năm qua luôn ổn định, các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như dịch hạch, tả, bệnh than nhiều năm liền không xảy ra; các bệnh mới nổi như Cúm A, MERS-CoV, Ebola trên địa bàn huyện chưa ghi nhận ca mắc nào. Công tác tiêm chủng được triển khai thường xuyên và được duy trì ở mức cao.

Vấn đề dinh dưỡng đã được xã hội quan tâm, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm qua từng năm. Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) được triển khai có hiệu quả, tạo ra chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động đúng về ATVSTP. Công tác Chăm sóc sức khỏe sinh sản có nhiều tiến bộ, đặc biệt

số ca tử vong mẹ ngày càng thấp. Công tác Dân số - KHHGĐ được triển khai có hiệu quả, tỷ suất sinh, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên và tỷ số chênh lệch giới tính khi sinh của huyện có giảm so với các năm trước. Tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống giảm. Thực hiện tốt công tác sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh, giúp phát hiện và điều trị sớm một số bệnh tật ngay trong giai đoạn bào thai và sơ sinh, để sinh ra những đứa con khỏe mạnh về thể chất, trí tuệ, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực tương lai.

2. Hạn chế:

Các bệnh có vắc xin phòng ngừa luôn có nguy cơ bùng phát trở lại như bạch hầu, ho gà, sởi. Còn tình trạng các doanh nghiệp sử dụng chất cấm trong trồng trọt và chăn nuôi, chế biến thực phẩm, trong khi chế tài xử phạt chưa đủ sức răn đe. Chưa tổ chức mô hình sinh hoạt câu lạc bộ cho người bệnh tăng huyết áp, tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim.

Tình hình sốt rét trong 5 năm qua không ổn định; sự di biến động dân cư, nhất là các trường hợp làm rừng, người dân ngủ rẫy... là nguyên nhân chủ yếu gia tăng bệnh sốt rét và gây khó khăn cho công tác phòng chống sốt rét.

Phần thứ II
Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025

I. Dự báo tình hình:

Hiện nay Ngành Y tế Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong hội nhập quốc tế, đóng góp tích cực vào sự phát triển của y tế nước nhà và y học thế giới, nâng cao uy tín và vị thế của ngành và đất nước trên trường quốc tế. Trong bối cảnh hiện nay người dân thật sự là chủ đất nước, con người là trung tâm của mọi chính sách, chế độ, ngành y tế bảo đảm chăm sóc sức khoẻ nhân dân ngang tầm tiên tiến khu vực và quốc tế.

Tình hình dịch bệnh COVID-19 trên thế giới, trong nước, trên địa bàn tỉnh và tại huyện tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường. Tác động của biến đổi khí hậu đến sức khoẻ con người làm tăng khả năng bùng phát và lan truyền các dịch bệnh, gia tăng một số nguy cơ đối với tuổi già, những người mắc bệnh tim mạch và các bệnh không lây nhiễm khác...

Yêu cầu đặt ra đối với Ngành Y tế cần tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác y tế dự phòng, khám, chữa bệnh và cần nhiều giải pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

II. Căn cứ xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025:

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.
- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.
- Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 20/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm

khác giai đoạn 2015-2025.

- Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt Nam.

- Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23/7/2021 của Bộ Y tế về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020.

- Chương trình số 60-CTr/TU ngày 02/5/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

- Chương trình số 61-CTr/TU ngày 07/5/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai.

- Chương trình hành động số 1370/CTr-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Gia Lai Thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021- 2025.

- Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh giai đoạn 2017-2025.

- Kế hoạch số 2822/KH-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 1695/KH-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Kế hoạch số 1781/KH-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về thực hiện Chương trình số 61-CTr/TU ngày 07/5/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 1657/KH-UBND của UBND tỉnh Gia Lai thực hiện Chương trình hành động số 60-CTr/TU ngày 02/5/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về

triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam của tỉnh Gia Lai.

- Kế hoạch số 1572/KH-UBND ngày 30/7/2020 về thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Báo cáo số 151/BC-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế-Dân số giai đoạn 2016-2020 và đề xuất nhu cầu giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 2207/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 89-KH/HU ngày 20/06/2018 của huyện ủy Đak Đoa về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 27/10/2020 của UBND huyện về Kế hoạch thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đak Đoa.

- Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện về Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 thực hiện Chương trình Truyền thông dân số trên địa bàn huyện Đak Đoa.

Ngoài ra, việc đầu tư cho Chương trình giai đoạn 2021-2025 là giải pháp cần thiết, chủ yếu và quan trọng để giải quyết các yếu tố nguy cơ về dịch bệnh; kế thừa và phát huy thành quả đạt được trong thực hiện CTMT YTDS giai đoạn 2016-2020; góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

III. Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu chủ yếu:

1. Mục tiêu chung:

Chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, hạn chế thấp nhất tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm. Khống chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng để giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Hạn chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến:

- Chủ động phòng một số dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ chết do một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm. Khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh, tật lứa tuổi học đường.

- Giảm tỷ lệ mắc bệnh lao dưới 35/100.000 dân.

- Giảm tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân dưới 0,2; khống chế không để bệnh nhân chết do sốt rét.

- Khống chế tỷ lệ mắc sốt xuất huyết trung bình/100.000 dân dưới 200

Không để người bệnh chết do sốt xuất huyết.

- 50% số xã, thị trấn quản lý bệnh nhân tâm thần phân liệt và bệnh nhân động kinh.

- Ít nhất 15% số người mắc ung thư khoang miệng, vú, cổ tử cung, đại trực tràng được phát hiện ở giai đoạn sớm; trên 50% cán bộ y tế hoạt động trong dự án được đào tạo nâng cao nghiệp vụ về phòng chống ung thư (dự kiến sau khi được tỉnh cho triển khai dự án).

- 50% số người tăng huyết áp được phát hiện sớm; 30% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

- 40% số người bệnh đái tháo đường được phát hiện, trong đó 40% được quản lý, điều trị. Tỷ lệ mắc bướu cổ trẻ em từ 8 – 10 tuổi từ 5% trở xuống.

- 35% số người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng; Ít nhất 35% số người đã phát hiện bệnh được điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

- 35% số người bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng; Ít nhất 30% số người bệnh hen phế quản được điều trị: đạt kiểm soát hen, trong đó hơn 15% đạt kiểm soát hoàn toàn.

- Giảm ít nhất 30% tỷ lệ mắc mới các bệnh tật ở trẻ mầm non, học sinh phổ thông như: Cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường so với tỷ lệ mắc mới năm 2020. Ít nhất 90% số trẻ mầm non, học sinh phổ thông được sàng lọc, tư vấn điều trị cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường; Hơn 90% số học sinh ở vùng nguy cơ cao được tẩy giun định kỳ 2 lần/năm.

2.2. Tiêm chủng mở rộng:

- Giữ vững các kết quả đã đạt được tiến tới khống chế và loại trừ một số bệnh có vắc xin phòng ngừa; củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống tiêm chủng.

- Duy trì công tác tiêm chủng mở rộng và tổ chức các chiến dịch tiêm chủng, cung ứng đủ vắc xin, vật tư tiêm chủng đáp ứng nhu cầu tiêm chủng cho trẻ em, phụ nữ có thai, nữ trong độ tuổi sinh đẻ trên toàn huyện và các sinh phẩm, vật tư tiêu hao chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng mở rộng. Duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi hằng năm đạt $\geq$ 99%. Duy trì thành quả thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh, tiến tới loại trừ bệnh sởi và triển khai một số vắc xin mới.

2.3. Dân số và phát triển:

- Chủ động duy trì mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số về thể chất nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; khống chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh. Củng cố, phát triển hệ thống và nâng cao chất lượng dịch vụ phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng; quản lý, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Giảm tử vong và tình trạng suy dinh dưỡng ở bà mẹ, trẻ em trên địa bàn huyện.

- Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt trên 73%.

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,25% năm 2025 và 1,20% năm 2030.

- Trên 20% bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh; trên 20% trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh.

- Khống chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, phấn đấu đến năm 2025 tỷ số giới tính khi sinh 104 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái.

- Giảm 20% số người chưa thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn; 80% người khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận với dịch vụ phục hồi chức năng phù hợp; 60% trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi được phát hiện, can thiệp sớm.

- Tối thiểu 80% người cao tuổi được chăm sóc dự phòng toàn diện, khám sức khỏe định kỳ, được điều trị kịp thời tại các cơ sở y tế.

- Tỷ suất chết mẹ 03/100.000 trẻ đẻ sống.

2.4. An toàn thực phẩm: Dự phòng

- Kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập, phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng. Khống chế đến mức thấp nhất số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể xảy ra trên địa bàn huyện; tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính trong vụ ngộ độc thực phẩm được ghi nhận dưới 13 người/100.000 dân.

- 100% cơ sở được thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm theo đúng kế hoạch được phê duyệt.

- Đảm bảo số cơ sở được kiểm tra ATVSTP đạt tối thiểu 65% trên tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm.

- Tỷ lệ cở sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm đạt tiêu chuẩn ATVSTP đạt tối thiểu 75% trên tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra.

- 100% vụ ngộ độc thực phẩm được điều tra, giám sát và xử lý kịp thời.

- 100% bếp ăn tập thể được kiểm tra, giám sát đảm bảo ATVSTP.

- Tổ chức giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm đối với các thực phẩm có nguy cơ cao trên địa bàn huyện.

- Duy trì và nhân rộng mô hình điểm về đảm bảo an toàn thực phẩm.

2.5. Phòng, chống HIV/AIDS:

- Khống chế tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư dưới 0,3% vào năm 2025; giảm số người nhiễm HIV mới, số người chuyển sang AIDS và số người tử vong do HIV/AIDS hàng năm.

- Tăng cường việc tiếp cận người có nguy cơ cao giới thiệu đi xét nghiệm HIV và giới thiệu người nhiễm HIV đi điều trị ARV. Nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, xét nghiệm HIV thông qua việc đào tạo nâng cao kỹ năng tư vấn, xét nghiệm của người làm công tác xét nghiệm; đa dạng hóa các mô hình dịch vụ tư vấn và xét nghiệm HIV, giám sát dịch HIV.

- Mở rộng can thiệp giảm hại và dự phòng lây nhiễm HIV, truyền thông thay đổi hành vi:

+ Triển khai cấp phát thuốc và phân phát bao cao su cho các đối tượng theo quy định.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS, nâng cao nhận thức của người dân về phòng, chống HIV/AIDS, nhằm xoá bỏ sự kỳ thị và phân biệt đối xử của cộng đồng dân cư đối

với người nhiễm HIV/AIDS; giảm nguy cơ lây truyền HIV trong nhóm đối tượng nguy cơ cao và từ các nhóm này ra cộng đồng.

- Mở rộng, bảo đảm chất lượng điều trị HIV/AIDS:

+ Kiện toàn mạng lưới các Phòng khám ngoại trú HIV/AIDS đủ điều kiện để thực hiện khám, chữa bệnh BHYT theo hợp đồng với Bảo hiểm xã hội;

+ Tăng cường công tác tư vấn, chuyển tiếp người nhiễm HIV tới dịch vụ chăm sóc và điều trị người nhiễm HIV/AIDS tại các Phòng khám ngoại trú; hoàn thiện Quy trình chuyển tiếp, chuyển tuyến trong hoạt động phòng chống HIV/AIDS.

+ Phát triển hệ thống chăm sóc tại cộng đồng của người nhiễm HIV.

+ Kiểm soát tải lượng vi rút; tăng cường dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; bảo đảm cung ứng thuốc và giám sát tình hình kháng thuốc ARV.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác phòng, chống HIV/AIDS, trong đó chú trọng việc đào tạo, tập huấn cho cán bộ hệ thống y tế tuyến xã; giám sát hỗ trợ kỹ thuật các phòng khám ngoại trú, các hoạt động phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn huyện.

2.6. Bảo đảm nguồn máu hiến an toàn:

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động vận động hiến máu tình nguyện bằng các hoạt động truyền thông đặc thù; tổ chức các sự kiện hiến máu, mô hình tổ chức hiến máu hiệu quả, nhằm tuyển chọn nguồn người hiến máu an toàn.

- Đào tạo đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên thực hiện công tác tuyên truyền, vận động hiến máu tình nguyện trong toàn huyện; tiếp tục tổ chức các hoạt động tôn vinh người hiến máu, các hội nghị, hội thảo nhằm phối hợp tổ chức hoạt động hiến máu tình nguyện; duy trì nguồn người hiến máu an toàn trên toàn huyện.

2.7. Quân dân y kết hợp:

- Tạo điều kiện cho người dân sinh sống trên địa bàn huyện được tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng ngày càng cao; tăng cường khả năng đáp ứng của ngành y tế trong các tình huống khẩn cấp.

- Huấn luyện diễn tập các lực lượng y tế cơ động đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp về y tế.

- Tham gia đào tạo, tập huấn nội dung quân dân y kết hợp do cấp trên tổ chức.

- Khám bệnh, chữa bệnh lưu động và theo chiến dịch cho các đối tượng chính sách, người nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

2.8. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế:

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá bảo đảm thực hiện Chương trình hiệu quả. Triển khai các hoạt động truyền thông y tế, chủ động góp phần phòng, chống bệnh tật nâng cao sức khỏe người dân và cộng đồng.

- 100% các xã, thị trấn được kiểm tra, giám sát thực hiện triển khai các dự án/hoạt động; 100% các xã, thị trấn truyền thông các nội dung của Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về y tế, dân số và

an toàn thực phẩm. Xây dựng, duy trì, triển khai đội truyền thông cơ động; đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về an toàn thực phẩm của các nhóm đối tượng.

- Tổ chức thực hiện hệ thống theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình, dự án; đào tạo, tập huấn về theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và truyền thông về các nội dung của chương trình; tổ chức các hoạt động truyền thông về các nội dung của Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các ngày/tháng cao điểm truyền thông phù hợp với các hoạt động của Chương trình, dự án.

IV. Phạm vi, quy mô, đối tượng, thời gian thực hiện:

1. Phạm vi và quy mô:

Chương trình được thực hiện trên địa bàn toàn huyện; ưu tiên một số địa bàn trọng điểm theo từng hoạt động.

2. Đối tượng thực hiện:

Các cơ quan, ban, ngành, địa phương, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện các dự án và hoạt động của Chương trình.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2025.

V. Kinh phí thực hiện:

- Nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh (nếu có), nguồn ngân sách huyện và nguồn ngân sách địa phương được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

- Các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. Các giải pháp để thực hiện cơ chế, chính sách:

1. Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn huyện. Triển khai các giải pháp can thiệp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao thể lực và thể chất của người dân; chăm sóc và dinh dưỡng hợp lý cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú và trẻ em…

2. Phát triển sản xuất sạch, cung cấp nguồn dinh dưỡng sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhân dân. Triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi về ATTP. Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm. Thực hiện nghiêm các quy chuẩn kỹ thuật về ATTP. Nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

3. Triển khai tốt công tác phòng chống dịch, chủ động, dự báo, phát hiện sớm và khống chế kịp thời không để dịch lớn xảy ra. Kiểm soát tình trạng lao và sốt rét kháng thuốc, can thiệp đặc hiệu phòng chống lao, sốt rét cho các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số. Củng cố hệ thống tiêm chủng, triển khai hoạt động tiêm chủng dịch vụ.

Triển khai mạnh mẽ các giải pháp phòng chống COVID-19 có hiệu quả; tiếp tục triển khai công tác kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh COVID-19 và các bệnh truyền nhiễm khác trên địa bàn huyện; chuẩn bị đầy đủ phương tiện vật tư, hóa chất, nhân lực để tập trung xử lý dịch bệnh; tăng cường đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về công tác phòng, chống dịch Covid - 19 trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh công tác tiêm chủng phòng COVID-19 để

tăng miễn dịch cộng đồng.

4. Tăng cường phát hiện, quản lý, dự phòng nhiễm HIV và nâng chất lượng dịch vụ chăm sóc. Duy trì điều trị Methadone.

5. Triển khai đồng bộ các hoạt động dự phòng, giám sát, phát hiện, quản lý, điều trị bệnh không lây nhiễm; chú trọng dự phòng, nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm bệnh tật; đẩy mạnh quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính tại y tế cơ sở. Thực hiện tốt công tác y tế học đường.

6. Đẩy mạnh công tác kết hợp quân - dân y, quan tâm công tác chăm sóc sử khỏe nhân dân vùng sau, vùng xa của huyện. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát huy sức mạnh của lực lượng vũ trang trong chăm sóc sức khỏe của người dân.

7. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp.

8. Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỉ số giới tính khi sinh cao. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số. Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ kế hoạch hoá gia đình. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khoẻ sinh sản trước hôn nhân.

9. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn huyện.

VII. Tổ chức thực hiện:

1. Trung tâm Y tế huyện:

- Chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn các khoa, phòng và Trạm Y tế các xã, thị trấn trên địa bàn huyện triển khai thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn của các dự án Trung ương, tỉnh; phối hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai kế hoạch chương trình mục tiêu y tế - dân số hàng năm của huyện.

- Hàng năm, lập dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch gửi về Sở Y tế, để tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai thực hiện theo quy định; sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho công tác y tế - dân số.

- Trên cơ sở nguồn kinh phí của Sở Y tế phân bổ về để triển khai thực hiện kế hoạch, trong quá trình triển khai nếu có khó khăn về kinh phí thì làm Tờ trình gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch của huyện để tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ thêm kinh phí để triển khai thực hiện theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Hàng năm, trên cơ sở tờ trình xin kinh phí của Trung tâm Y tế huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, tham mưu cấp thẩm quyền xem xét hỗ trợ thêm kinh phí để triển khai thực hiện đảm bảo đạt mục tiêu kế hoạch, phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương.

3. UBND các xã, thị trấn:

Phối hợp Trung tâm Y tế chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn để đạt mục tiêu đề ra.

VIII. Một số đề xuất, kiến nghị:

Trong thời gian tới để triển khai có hiệu quả nội dung của Kế hoạch UBND huyện đề xuất tỉnh, Sở Y tế và các Sở, ngành của tỉnh quan tâm hỗ trợ cho huyện những nội dung sau:

- UBND tỉnh quan tâm, bố trí các nguồn kinh phí đầu tư hỗ trợ nâng cao năng lực hệ thống y tế của huyện. Tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trạm y tế các xã, thị trấn. Có chính sách ưu tiên đào tạo và thu hút cán bộ y tế có trình độ cao về công tác tại huyện. Sớm phê duyệt và hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025.

- Hiện nay tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi của huyện ở mức cao so với bình quân chung của cả tỉnh. Vì vậy, kính đề nghị tỉnh bổ sung kinh phí hàng năm để mua sắm sản phẩm dinh dưỡng HEBI và sản phẩm đa vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ 6-23 tháng tuổi để điều trị và dự phòng suy dinh dưỡng, hoặc kiến nghị đưa các sản phẩm dinh dưỡng này vào trong danh mục thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Y tế - Dân số giai đoạn 2021- 2025. Các cơ quan, ban, ngành, địa phương căn cứ triển khai thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới./.

***Nơi nhận*:**
- Sở Y tế (b/c);
- TTr. Huyện ủy (b/c);
- TTr. HĐND huyện (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBMTTQVN và các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, ban ngành thuộc huyện;
- Trung tâm Y tế huyện;
- UBND các xã, thị trấn:
- Lưu VT,VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK ĐOA T. GIA LAI

Huỳnh Siêm